TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cơ
2. Bà Lê Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa**: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1984, địa chỉ: khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Số A, đường C, Khu phố H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (*có đơn xin vắng mặt*);

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Huỳnh L, sinh năm: 1983; địa chỉ: khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 13-6-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Huỳnh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Gia Lộc, T, Tây Ninh. Vợ chồng sống chung nhà mẹ ruột anh L tại Gia Lâm, G, Trảng B, cả hai đi làm công nhân. Năm 2019 vợ chồng đi Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ ở mua bán. Vợ chồng sống đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù, bất đồng quan điểm, anh L ăn chơi, cờ bạc thiếu nợ nhiều lần, làm

dành dụm bao nhiêu tiền cũng trả nợ cho anh hết, chị khuyên nhiều lần, nhưng anh không thay đổi, nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nhưng chị vẫn chịu đựng để làm nuôi con. Đến ngày 02-6-2023 vợ chồng cãi vã gây gổ nhau về tiền bạc thì anh lấy xe bỏ đi, vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ lại, mà anh L thường xuyên gọi điện qua người thân của chị để chửi mắn, hâm dọa, vì chị đã chặn cuộc gọi của anh L, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh L.

- Về con chung: có 01 con là Nguyễn An K, sinh ngày 02-6-2016, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: có nợ chị Nguyễn Thị L1 số tiền 145.000.000 đồng, mượn để trả nợ cho anh L vào tháng 4-2023, chị và chị L1 thỏa thuận với nhau, chị lãnh trả nợ, nên chị và chị L1 không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh L vắng mặt nên không có ý kiến: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên tòa nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, cũng không cung cấp lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do; anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Nguyễn Huỳnh L; về con chung: giao cháu Nguyễn An K, sinh ngày 02-6-2016 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị H không yêu cầu, anh L không có ý kiến nên không giải quyết; về nợ chung: chị H và chị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu, anh L không có ý kiến, nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do; anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị H, anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 6 năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ tháng 6 năm 2023. Theo chị H là do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, anh L ăn chơi, cờ bạc thiếu nợ, chị phải trả nợ cho anh nhiều lần, nhưng anh không thay đổi, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, đến ngày 02-6-2023 vợ chồng cãi vã gây gổ nhau về tiền bạc thì anh lấy xe bỏ đi, vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ lại, anh L thường xuyên gọi điện chửi mắn, hâm dọa nên chị xin ly hôn. Anh L thì vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu tên Nguyễn An K, sinh ngày 02-6-2016, hiện chị H đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh L không có ý kiến. Xét thấy, chị H đã nuôi con ổn định, cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường, yêu cầu về nuôi con của chị H là tự nguyện. Qua xem xét thì cháu K có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu K cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị H khai không có, không yêu cầu. Anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị H và chị Nguyễn Thị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị H chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Nguyễn Huỳnh L. Chị H được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn An K, sinh ngày 02-6-2016 cho chị Nguyễn Thị Kim H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Huỳnh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết. Anh L không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị H và chị L1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến, nên không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Kim H chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027686 ngày 24-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Lộc, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An